

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11- ĐỒNG NAI
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **43/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-10-2025

V/v “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi
con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- ĐỒNG NAI, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Hùng Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Trần Thị Thanh Miên – Hiệu trưởng Trường Mầm non Phú Riêng Đỏ, xã Phú Riêng, tỉnh Đồng Nai;

+ Bà Cao Trúc Chi – Phó ban Văn hóa Xã hội – Hội đồng nhân dân phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11- Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11- Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 102/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 43/2025/QĐXX-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm: 1997; Địa chỉ: Khu phố 3, phường B, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Đình V, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Thôn T, xã Bình Tân, huyện R, tỉnh Bình Phước. chỗ ở hiện nay: Khu phố 5, phường B, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Thị Ngọc Mai trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà M với ông Đoàn Đình V đã tự nguyện tìm hiểu và chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện R, tỉnh Bình Phước vào ngày 03/01/2023, theo giấy chứng nhận kết hôn

số 01/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cho đến đầu năm 2025 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, không dung hòa được với nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Do đó chúng tôi đã không chịu đựng được nữa nên tôi đã chuyển ra ngoài sinh sống kể từ năm 2024 đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy theo đơn khởi kiện cũng như hiện nay khi Tòa án thụ lý vụ án, Bà Trần Thị Ngọc M yêu cầu ly hôn với chồng là ông Đoàn Đình V.

2. *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Đoàn Ngọc N, sinh ngày: 11/12/2022. Trong thời gian sống ly thân, con chung là Đoàn Ngọc N do Ông V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn, do con còn nhỏ nên nguyện vọng và yêu cầu của Bà M muốn được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa do quá trình Ông V nuôi con đã không tạo điều kiện cho Bà M được hỏi thăm tin tức của con. Do đó trường hợp nếu Bà M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đồng ý tạo điều kiện cho Ông V được quyền thăm nom, tin tức con thường xuyên theo quy định.

Về cấp dưỡng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Đoàn Đình V trình bày*:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông V với Bà Trần Thị Ngọc M tự nguyện tìm hiểu, nguyện tìm hiểu, chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước vào ngày 03/01/2022. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khoảng cuối năm 2024, thì phát sinh mâu thuẫn, do Ông V phải đi chấp hành án phạt tù, nên vợ chồng đã sống ly thân, con chung thì cả hai vợ chồng cùng chăm sóc, kinh tế độc lập. Nay Bà M khởi kiện ly hôn, Ông V xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng vẫn còn tình cảm với Bà M nên mong muốn cả hai vợ chồng cho nhau thêm cơ hội quay về chung sống để xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau chăm lo cho con cái. Trường hợp Bà M cương quyết ly hôn, ý kiến Ông V cũng đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu của bà Mai.

2. *Về con chung*: Ông V thống nhất với trình bày của bà Mai, vợ chồng có 01 con chung là Đoàn Ngọc N, sinh ngày: 11/12/2022. Trong thời gian sống ly thân, con chung là Đoàn Ngọc N do Ông V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Trường hợp phải ly hôn, Ông V mong muốn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý vụ án, tại phiên hòa giải các đương sự xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên nguyên đơn Bà M cương quyết yêu cầu ly hôn, bị đơn Ông V đồng ý thuận tình ly hôn với bà Mai.

Về con: Các đương sự thống nhất trình bày, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cũng như tại thời điểm Bà M nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con thì con chung là cháu Đoàn Ngọc N do ông Đoàn Đình V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngày 05/6/2025, Bà M đến thăm con, sau đó Bà M không thông báo cho Ông V mà tự ý dẫn cháu Ngân về sinh sống cùng với gia đình bố mẹ ruột của Bà M tại Ấp Sáu Thử, xã Cù Lao Dung, thành phố Cần Thơ. Ông V đã trực tiếp xuống thăm con nhưng phía Bà M không cho gặp mặt để thăm nom. Quá trình hòa giải, Ông V nhiều lần yêu cầu Bà M dẫn con lên để cho Ông V được gặp mặt con nhưng Bà M không thực hiện cũng như kể từ thời điểm ngày 06/6/2025 đến nay thì Bà M không cho Ông V được gặp gỡ và thăm nom con chung.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã ra thông báo để yêu cầu nguyên đơn Bà M và bị đơn Ông V cung cấp chứng cứ, tài liệu chứng minh về điều kiện nuôi con theo quy định. Theo đó nguyên đơn cung cấp tài liệu có xác nhận của UBND xã Cù Lao Dung, thành phố Cần Thơ xác nhận về thông tin về việc cư trú, chỗ ở hiện nay, công việc cũng như thu nhập của bà Mai, ngoài ra Bà M cũng cung cấp bản sao GCNQSDĐ số AA 00187385 xác định Bà M cùng với bố ruột là ông Trần Văn Sang và các thành viên hộ ông Sang là đồng sở hữu chung của thửa đất số 835, tờ bản đồ số 4, diện tích 774,8m²; đất tại địa chỉ: Ấp Sáu Thử, xã Cù Lao Dung, thành phố Cần Thơ. Bị đơn Ông V cung cấp bản sao bản di chúc do ông Đoàn Đình Thanh là bố ruột của Ông V nội dung di chúc đồng ý để lại di sản là Quyền sử dụng đất của thửa đất số 337, tờ bản đồ số 30; diện tích 120m² (đất ở đô thị), tọa lạc tại: Khu phố 5, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, nay là khu phố 5, phường Phước Bình, tỉnh Đồng Nai theo GCNQSDĐ số AA 0271947, sổ vào sổ cấp GCN số 415/CD-CQ và Quyền sử dụng đất số của thửa đất số 352, tờ bản đồ số 30; diện tích 120m² (đất ở đô thị), tọa lạc tại: Khu phố 5, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, nay là khu phố 5, phường Phước Bình, tỉnh Đồng Nai theo GCNQSDĐ số DK 196230, sổ vào sổ cấp GCN số VP 00887/CDCQ do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Phước cấp ngày 04/7/2024. Di chúc được Văn phòng Công chứng Phạm Nhã công chứng ngày 25/6/2025.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Bà M giữ nguyên trình bày yêu cầu khởi kiện, bị đơn Ông V giữ nguyên ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Ngọc đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ nhận thấy Bà Trần Thị Ngọc M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Đình V. Căn cứ lời trình bày của căn cứ lời khai thống nhất của các bên đương sự thì có đủ căn cứ

xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà M và Ông V có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân kéo dài. Nay các đương sự thống nhất thuận tình ly hôn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mai. Về việc tranh chấp nuôi con: Mặc dù cả nguyên đơn Bà M và bị đơn Ông V đều có yêu cầu được quyền nuôi con. Tuy nhiên con chung là Đoàn Ngọc N còn nhỏ (02 tuổi 09 tháng), dưới 36 tháng tuổi và trong thời gian Ông V chấp hành án thì cháu Ngân do Bà M trực tiếp nuôi dưỡng và hiện vẫn đang sinh sống cùng với bà Mai. Bên cạnh đó, Bà M hiện đang sống cùng với cha mẹ ruột và cũng có công việc buôn bán có thu nhập. Xét về quyền lợi mọi mặt thì để cháu Ngân cho Bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng; về tài sản, nợ chung không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị Ngọc M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Đoàn Đình V có đăng ký thường trú, cư trú tại: Thôn Phước Tân, xã Bình, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước và chỗ ở hiện nay là khu phố 5, phường Phước Bình, tỉnh Đồng Nai. Do đó Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*”. Căn cứ các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53; 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, nay là TAND khu vực 11- Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc M và ông Đoàn Đình V tự nguyện chung sống vợ chồng, đủ điều kiện về kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (nay là xã Bình Tân, tỉnh Đồng Nai) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01 năm 2003, ngày 03/01/2003. Do đó quan hệ vợ chồng xác lập giữa bà Ngọc và ông Khoa là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Bà Trần Thị Ngọc M, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình Tòa án thụ lý, nguyên đơn Bà M và bị đơn Ông V đều thừa nhận, thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên từ ngày 03/7/2023, Ông V phải chấp hành án 02 năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Quá trình thi hành án, Ông V được xét giảm 04 tháng nên đến khoảng tháng 02/2025 Ông V chấp hành xong án phạt tù. Trước khi Ông V đi chấp hành án thì vợ chồng Ông V Bà M và con chung là Đoàn Ngọc N cùng sinh sống tại khu phố 5, phường Long Phước (nay là phường Phước Bình). Nhưng trong thời gian Ông V chấp hành án, Bà M cùng con chuyển về sinh sống với bố mẹ ruột của Bà M tại Ấp Sáu Thử, xã Cù Lao Dung, thành phố Cần Thơ. Sau khi Ông V chấp hành án về đã

nói chuyện để vợ con về chung sống, tuy nhiên Bà M chỉ về nhà vài ngày. Sau đó về quê chăm sóc bố mẹ nên vợ chồng tiếp tục sống ly thân. Nay Bà M trình bày tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên Bà M yêu cầu ly hôn. Ý kiến của Ông V xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên đồng ý thuận tình ly hôn với bà Mai. Điều này cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng Bà M Ông V đã đến mức trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà M được ly hôn với ông Đoàn Đình V.

[2.1] Về con: Trong thời gian chung sống, vợ chồng Bà M ông V thống nhất có 01 con chung là cháu Đoàn Ngọc N, sinh ngày: 11/12/2022. Khi ly hôn, nguyên đơn Bà M và bị đơn Ông V đều có yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Đoàn Ngọc N đến khi cháu trưởng thành và cả hai không yêu cầu cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của các bên đều thống nhất thừa nhận, từ ngày 03/7/2023 đến tháng 02/2025, Ông V phải chấp hành án 02 năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” thì Bà M là người trực tiếp nuôi con. Trong đó thời gian đầu thì sống cùng với bố mẹ Ông V tại khu phố 5, phường Long Phước (nay là phường Phước Bình), sau đó kể từ tháng đầu năm 2024 thì Bà M và cháu Ngân chuyển về sinh sống cùng với bố mẹ ruột của bà Ngân tại Ấp Sáu Thử, xã Cù Lao Dung, thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, từ tháng 02/2025 thì Ông V đã đón cháu Ngân về trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến đầu tháng 6/2025, thì Bà M đón cháu Ngân về sinh sống cùng Bà M tại ấp Sáu Thử, xã Cù Lao Dung. Ông V cho rằng Bà M lợi dụng việc Ông V đồng ý cho thăm nom gặp mặt trong thời gian vợ chồng sống ly thân và Tòa án đang thụ lý vụ án nhưng Bà M không thông báo cho Ông V về việc đưa cháu Ngân về sinh sống tại xã Cù Lao Dung cũng như không tạo điều kiện cho Ông V được thăm nom, gặp mặt dù Ông V đã nhắn tin thông báo từ trước. Cho đến ngày 19/9/2025, Ông V xuống nhà Bà M phải nhờ đến chính quyền địa phương, trưởng thôn và công an xã vận động thì Bà M mới đồng ý cho gặp mặt cũng như đồng ý cho Ông V dẫn con về thăm ông bà.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian Ông V đi chấp hành án, cháu Ngân còn rất nhỏ được Bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã thông báo cho các bên thực hiện nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh điều kiện nuôi con cũng như tiến lấy lời khai làm rõ về điều kiện hoàn cảnh của các bên. Căn cứ vào chứng cứ mà 02 bên cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy, cả nguyên đơn Bà M và bị đơn Ông V đều trong độ tuổi lao động, đều có chỗ ở, có việc làm cũng như thu nhập để đảm bảo cho cuộc sống cũng như để nuôi con. Tuy nhiên xét thấy, hiện nay cháu Ngân còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, mặt khác cháu Ngân là cháu gái, rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con cho Bà M được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Đồng Nai tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Ngọc phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị đơn ông Đoàn Đình V phải chịu 300.000 đồng án phí về việc tranh chấp nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39 và Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Thị Ngọc M.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc M được ly hôn với ông Đoàn Đình V.

Quan hệ hôn nhân giữa Bà Trần Thị Ngọc M với ông ông Đoàn Đình V chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con: Giao con chung là Đoàn Ngọc N, sinh ngày: 11/12/2022 cho Bà Trần Thị Ngọc M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống cùng với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011848, ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- Đồng Nai. Ông Đoàn Đình V phải chịu 300.000 đồng án phí về tranh chấp nuôi con.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 11- Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 11- Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND xã Cù Lao Dung;
- UBND phường Phước Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Hùng Dũng